

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2026

“V/v: ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC MB-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Thị Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Hữu Hải

2. Ông Đinh Văn Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa theo văn bản số 165/CV-VKS ngày 09/4/2026.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 03/3/1995; CCCD số 077195006192 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Địa chỉ: Tổ F, ấp V, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/3/1987; CCCD số 077087007701 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/6/2022.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 11 tháng 4 năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thiếu sự cảm thông, chia sẻ, nhiều bất hòa trong gia đình khiến hôn nhân rơi vào bế tắc, hai bên sống không có trách nhiệm. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông T, để ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng ông T vắng mặt theo các giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không thể hiện ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Q, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 11/4/2018 nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L:

Theo bà L trình bày thì quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thiếu sự cảm thông, chia sẻ, nhiều bất hòa trong gia đình khiến hôn nhân rơi vào bế tắc, hai bên sống không có trách nhiệm với nhau. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng mâu thuẫn của bà L, ông T kéo dài, đã trầm trọng, không còn sống chung, quan tâm đến nhau nữa, trong cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T không tham gia tố tụng, không có ý kiến để hàn gắn tình cảm gia đình. Bà L xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đến nay bà L không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về việc xin ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Minh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006232 ngày 19-01-2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực MB-TP. HCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Xuân Sơn, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Tình**

